

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3-4-5 TUỔI  
NĂM HỌC: 2024 – 2025**

TT	ĐT	Mục tiêu	Nội dung		Thực hiện chủ đề	ĐC BS
			Riêng	Chung		
<b>1. Phát triển thể chất</b>						
<b>a. Phát triển vận động</b>						
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>						
1	3	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn	- Tay: + ĐT 1: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, dang ngang. + ĐT 2: Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao. + ĐT 3: Hai cánh tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + ĐT 4: Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau. + ĐT 5: Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang. - Lưng: + ĐT 1; Đứng cúi về trước. + ĐT 2: Đứng nghiêng người sang bên. + ĐT 3: Đứng quay người sang bên. + ĐT 4: Đứng cúi về trước, ngả người ra sau. + ĐT 5: Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. - Chân: + ĐT 1: Đứng, khụy gối. + ĐT 2: Bật tách - chụm chân tại chỗ. + ĐT 3: Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang. + ĐT 4: Đứng nâng cao chân, gập gối. + ĐT 5: Bật lên trước, lùi sau, sang bên.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.	1->10	

2	4	<p>- Trẻ biết thực hiện đúng, đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh</p>	<p>- Tay:  + ĐT 1: Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang.  + ĐT 2: Đưa hai tay ra phía trước - sau và vỗ vào nhau.  + ĐT 3: Đưa ra trước, gập khuỷu tay.  + ĐT 4: Đưa hai tay ra trước về sau.  + ĐT 5: Đánh xoay tròn hai vai.  - Lưng:  + ĐT 1: Nghiêng người sang bên  +ĐT2: Quay người sang bên.  + ĐT 3: Đứng cúi người về phía trước.  + ĐT 4: Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau.  + ĐT 5: Ngồi, quay người sang bên.  - Chân:  + ĐT 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối.  + ĐT 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối.  + ĐT 3: Đứng, nhún chân, khụy gối.  + ĐT 4: Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng.  + ĐT 5: Bật lên trước, ra sau, sang bên.</p>		1->10	
3	5	<p>- Trẻ biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. Thực hiện đúng, thuần thực các động tác, bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát bắt đầu</p>	<p>Tay:  + ĐT 1: Đưa tay ra phía trước, sau.  + ĐT 2: Đưa tay ra phía trước, sang ngang.  + ĐT 3: Đánh xoay tròn hai cánh tay (cuộn len)  + ĐT 4: Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau.  + ĐT 5: Luân phiên từng tay đưa lên cao.  - Lưng, bụng, lườn.</p>		1->10	

		và kết thúc động tác đúng nhịp.	+ ĐT 1: Đứng cúi về trước. + ĐT 2: Đứng quay người sang bên. + ĐT 3 nghiêng người sang bên. + ĐT 4: Cúi về trước, ngửa ra sau. + ĐT 5: Quay người sang bên - Chân: + ĐT 1: Khụy gối + ĐT 2: Bật, đưa chân sang ngang. + ĐT 3: Đưa chân ra các phía. + ĐT 4: Nâng cao chân, gập gối. + ĐT 5: Bật về các phía.			
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.</b>						
- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:						
4	3	+ Trẻ đi được hết đoạn đường hẹp (3mx 0,2m). + Trẻ đi được kiễng gót liên tục 3m.	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.		- 1 - 4 - 10	
5	4	+ Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân  + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	+3,4,5 tuổi: Đi trên ghế thể dục  + 3,4T: Đi lùi.	- 1 - 7 - 4 - 9	
6	5	+ Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ	- Đi và chạy:  + Đi trên dây đặt trên sàn + Đi bằng mép ngoài bàn chân  + Đi nói bàn chân tiến, lùi.	+ 4,5 tuổi: Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát  - 3,4,5 tuổi + Đi khụy gối	- 10 - 4 - 1 - 9 - 9	



		tối thiểu 50 cm.				
11	5	+ Trẻ nhảy được xuống từ độ cao 45 cm.	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm		- 3	
12	5	+ Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục đổi chân theo yêu cầu	+ Nhảy lò cò 5m		- 6	
- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:						
13	3	+ Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	- Tung, ném, bắt:  + Tung bắt bóng với cô. + Lăn bắt bóng với cô. + Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay + Đập và bắt bóng với cô. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	+ 3,4 tuổi: Trèo qua ghế dài  - 3,4,5T + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay.  - 4,5 tuổi + Tung bóng lên cao và bắt. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- 7  - 3 - 8  - 1 - 4,9 - 1 - 10 - 7  - 6 - 4,9	
14	4	+ Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).	- Tung, ném, bắt:  + Trèo lên, xuống 5 giống thang.	+ 4,5 tuổi Tung bắt bóng với người đối diện.	- 7 - 6	
15	5	+ Trẻ biết Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Tung, ném, bắt: + Trèo lên, xuống 7 giống thang.		- 6	

16	3	+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).		- 3,4,5 tuổi + Ném trúng đích bằng 1 tay.	- 5	
17	4	+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 2 m).				
18	5	+ Trẻ biết ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).				
19	3	+ Trẻ biết tự đập bắt bóng được 3 lần liền.	- Đập và bắt bóng với cô		- 6	
20	4	+ Trẻ biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	+ Đập bóng xuống sàn và bắt bóng	+ 4,5 tuổi: Đập bắt bóng tại chỗ.	- 6 - 10	
21	5	+ Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.	+ Đi và đập bắt bóng.		- 10	
- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:						
22	3	+ Trẻ biết chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng		+ 3,4T: Chạy 15m trong khoảng 10 giây	- 5	
23	4	+ Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.		+ 3,4 tuổi: Chạy chậm 60-80m.	- 8	
24	5	+ Trẻ biết chạy được liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.	+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.		- 5	
25	3	+ Trẻ biết Bò trong đường hẹp (3mx0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Bò chui dưới dây + Bò theo hướng thẳng + Bò theo đường đích dắc + Trườn về phía trước.	+ 3,4,5 tuổi: Bò chui qua cổng.	- 2 - 8 - 1 - 5 - 4	
26	4	+ Trẻ biết bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m)	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.		- 1 - 5 - 8	

		không chệch ra ngoài.		+ 4,5T: Trườn theo hướng thẳng	- 4	
27	5	+ Trẻ biết Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5 m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.		- 1 - 5 - 8 - 7	
28	5	+ Trẻ chạy được liên tục 120m không hạn chế thời gian.	+ Chạy chậm 100m -120m.		8	
<b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.</b>						
29	3	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.		1->4	
30	4	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...		1->4	
31	5	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.		1->4	
32	3	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Cài, cởi cúc.		1->10	

		tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. + Tự cài, cởi cúc.				
33	4	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.		1->10	
34	5	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc-mơ-tuya)	- Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc-mơ-tuya), khâu, buộc dây.		1->10	



<b>b. Dinh dưỡng sức khỏe.</b>					
<b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</b>					
35	3	- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.		1,2,5,6,7
36	4	- Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).		1,2,5,6,7
37	5	- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		1,2,5,6,7
38	3	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.			1, 3, 6, 10
39	4	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.			1, 3, 6, 10
40	5	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình			1, 3, 6, 10

		thường theo lứa tuổi.				
41	3	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Nhận biết các món ăn trong ngày: Thịt xào đậu, trứng rán, canh rau cải..., một số món ăn của địa phương: Cá nướng, thịt nướng, rau nộm, măng đắng...		1,2,5,6,7	
42	4	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		1,2,5,6,7	
43	5	dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Kể tên được một số món ăn hàng ngày của gia đình( BC)		1,2,5,6,7	
44	3	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		3,4,5T : - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,4	
45	4	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết một số thói quen tốt trong khi ăn uống như: không cười đùa nói chuyện trong khi ăn uống (BC)	2,4	
46	5	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		- Nhận biết thức ăn có mùi ôi, quả thối, rượu, bia, thuốc lá có hại sức khỏe cho con người ( BC)	2,3,5,7 2,3,5,7	

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt					
47	3	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo ....	Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.		1-3
48	4	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo cô. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		1-3
49	5	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: + Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Trẻ biết giữ quần áo đầu tóc gọn gàng (BC) + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách biết đi xong dội nước cho sạch. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hè). - Tập luyện kỹ năng chải đầu tóc, quần áo gọn gàng (BC) - Tự thay quần áo khi bị ướt (BC)		1-3
50	3	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		3

51	4	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn		3	
52	5	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		3	
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b>						
53	3	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi	Mời cô mời bạn, ngồi ngay ngắn, tự xúc ăn, ăn từ tốn, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. - Vệ sinh trong ăn uống: ăn thức ăn chín và uống nước đun sôi.		2,3	
54	4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Trẻ biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Trẻ không uống nước lã.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Không uống nước lã.		2,3	
55	5	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Trẻ không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước	- <i>Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (BC)</i> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường -		2,3	

		lã, ăn quà vặt ngoài đường				
56	3	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>+ Trẻ biết chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>- Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết. Các công việc tự phục vụ của trẻ phù hợp phong tục và điều kiện của trẻ tại địa phương.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, mệt, đau sốt.</p>	<p>3,4,5 tuổi : - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>	2,9	
57	4	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>+ Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học.</p> <p>+ Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.</p>	<p>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hè).</p> <p>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. (Đau bụng, sốt, ho,...)</p>		2,9	
58	5	<p>- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <p>+ Trẻ biết vệ sinh</p>	<p>- <i>Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (BC)</i></p> <p>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Ích lợi của mặc trang</p>		2,9	

		<p>răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy</p> <p>+ Trẻ biết ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.</p> <p>+ Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>+ Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi.</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp.</p>	<p>phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</p>			
--	--	---	---	--	--	--

#### 4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

59	3	- Trẻ nhận ra được và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở.		3,4,5 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng bếp đun, dao, kéo.	1,3	
60	4	- Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch			1,3	
61	5	- Trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói			1,3	

		được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.				
62	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) khi được nhắc nhở.		-3,4,5 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như ao, suối, bể chứa nước, bụi rậm ...	9	
63	4	- Trẻ biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.			9	
64	5	- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			9	
65	3	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống. + Trẻ biết không nên leo trèo bàn ghế, lan can. + Trẻ biết không nên nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không nên leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nên nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- 3,4,5 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như leo trèo lan can, cửa sổ,	1,3,4,7	

66	4	<p>- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>	<p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>		1,3,4,7	
67	5	<p>- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Trẻ biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... + Trẻ biết không tự ý uống thuốc. + Trẻ biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút</p>	<p>- <i>Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc (BC)</i> - Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... + Không tự ý uống thuốc. + Ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</p>		1,3,4,7	



		thuộc lá không tốt cho sức khoẻ.			
68	4	<p>- Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp + Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt,...)</p>	3,9
69	5	<p>- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. + Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết là người lạ bế ẵm, không theo khi đi chơi. + Trẻ biết không được</p>	<p>(111: bảo vệ trẻ em, 112: Tìm kiếm cứu nạn, 113: Công an, 114: cứu hỏa, 115: cứu thương) gọi người lớn cứu khi xảy ra thiên tai. Mưa đá, lũ, sạt lở đất (BC) - Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Tránh một số trường hợp không an toàn: + Là không theo khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Không được ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Được địa chỉ nơi ở, số</p>		3,9

		ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.			
70	5	- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Trẻ biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Trẻ biết đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Trẻ biết không nên leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không nên leo trèo cây, ban công, tường rào...		1,2,8	
<b>2. Phát triển nhận thức</b>						
<b>a. Khám phá khoa học</b>						
<b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</b>						
71	3	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.		2,5,7,9	
72	4	- Trẻ biết quan		- 4-5 tuổi: Chức	2,5,7,9	

		tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....		năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - 4- 5tuổi: Các nguồn nước trong môi trường sống. - 4- 5 tuổi: Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - 4- 5 tuổi: Một số đặc điểm, tính chất của nước.		
73	5	- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...		- 4-5 tuổi Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	2,5,7,9	
74	3	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. (STEAM: Dự án " Một số loại quả" 5E)	4,5t: Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng. Đồ chơi STEAM: Dự án đồ dùng gia đình"	1->10  - 3,7	
75	4	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. STEAM: Dự án " Một số loại quả" 5E)	- 4,5t: Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc STEAM: Dự án " Một số đồ dùng trong gia đình" 4,5t: Chức năng các giác	1->10  - 3  - 7	
76	5	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	quan và các bộ phận khác của cơ thể.	1->10	

		<p>sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p> <p>- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm (BC)</p>	<p><i>STEAM: Dự án " Một số loại quả" 5E)</i></p> <p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa</p> <p>- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các mùa trong năm (BC)</p>	- 7	
77	3	<p>- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	<p>- Thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	9	
78	4	<p>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>- Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	9	
79	5	<p>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo</p>	<p>- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện của một số loại cây, con vật</p>	<p>9</p> <p>- 4-5 tuổi: Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p> <p>4,5t: Các nguồn nước trong môi trường sống</p> <p>- 4,5t: Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- 4,5t: Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</p> <p>- 4,5t: Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn</p>	

		hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		nước và cách bảo vệ nguồn nước.		
80	3	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	4,5t: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	1->5	
81	4	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		1->5	
82	5	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			1->5	
83	3	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. <i>STEAM: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i>		1 ->4	
			- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.		3	
					9	
84	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i>		1 ->4	
			- Phân loại cây, hoa, quả,		3	
					5,6,7	

			con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án: "Một số loại quả" 5E)</i> - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.		7 8 9	
85	5	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Trẻ nói được một số đặc điểm các mùa trong năm, nơi trẻ sống (BC)	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i> - Phân loại các phương tiện giao thông theo 2- 3 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm ở địa phương (BC)		1 ->4 3 5,6,7 7 8 9	
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</b>						
86	3	- Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi của địa phương - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.		5,7,9	
87	4	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi	- 4,5 tuổi: Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	5,7,9	

		muối nên nước ngọt/mặn hơn”	trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	- 4,5 tuổi: Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.		
88	5	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.			5,7,9	
89	4	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- 4,5 tuổi: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - 4,5 tuổi Một số	7,8	
90	5	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	7,8	

### 3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

91	3	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>STEAM (Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- 4,5 tuổi đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - 4,5 tuổi đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>STEAM (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i>	1,3,4,5 7,8,10 3	
92	4	- Trẻ biết nhận	- Đặc điểm bên ngoài của		1,3,4,5	

		xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. <i>STEAM: Dự án "một số loại quả" 5E)</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. <i>STEAM: Dự án: Một số loại quả" 5E)</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. <i>STEAM: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i>		,7,8,10 3 7 3	
93	5	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. <i>(STEAM: "Dự án Một số loại quả" 5E)</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. <i>(STEAM: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng		1,3,4,5 ,7,8,10 7 3	
94	3	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...		1->10	
95	4	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1->10	



		nhạc và tạo hình...			
96	5	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1->10
<b>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>					
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng</b>					
97	3	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.		1,4,5,6,7,9,10
98	4	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		1,4,5,6,7,9,10
99	5	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		1,4,5,6,7,9,10
100	3	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều.		1,4,5,6,7,9,10
101	4	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,4,5,6,7,9,10
102	5	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,4,5,6,7,9,10

103	3	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,4,5,6,7,9,10	
104	4	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,4,5,6,7,9,10	
105	5	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		1,4,5,6,7,9,10	
106	3	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		- 3- 4 tuổi: Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	1,4,5,6,7,9,10	
107	4	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.			1,4,5,6,7,9,10	
108	5	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		1,4,5,6,7,9,10	
109	3	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng		- 3- 4 tuổi: Tách một nhóm	1,4,5,6,7,9,10	

		có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		đôi tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
110	4	- Trẻ biết tách một nhóm đôi tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.				1,4,5,6,7,9,10
111	5	- Trẻ biết tách một nhóm đôi tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách một nhóm đôi tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			1,4,5,6,7,9,10
112	4	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.			1,4,5,6,7,9,10
113	5	- Trẻ nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.			1,4,5,6,7,9,10
114	4	- Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch...)		3,8,9
115	5	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch...)				3,8,9
<b>2. Sắp xếp theo qui tắc</b>						
116	3	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	- 3,4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.		1 8
117	4	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp của ít		4,5 tuổi: So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp		8

		nhất ba đối tượng và sao chép lại.		<i>và sắp xếp theo qui tắc.</i>		
118	5	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.		1	
119	5	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
120	5	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra qui tắc sắp xếp.		8	
<b>3. So sánh hai đối tượng</b>						
121	3	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. + To – nhỏ; Dài - ngắn + Cao – thấp; bằng nhau		4 7	
122	4	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .		4,7 9	
123	5	- Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.		4,7 10 9	
<b>Nhận biết hình dạng</b>						
124	3	- Trẻ nhận dạng được và gọi tên các hình: tròn,	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình		3	

		vuông, tam giác, chữ nhật.	chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.			8	
125	4	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- 4,5 tuổi: Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu		3	
126	5	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.		8		
127	4	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.					
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>							
128	3	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.			2	
129	4	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).			2	
130	5	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.			2	
131	4	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.			9	

		trình tự thời gian trong ngày.			
132	5	- Trẻ phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.		9
133	5	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần.		9
<b>c) Khám phá xã hội</b>					
<b>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</b>					
134	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		2
135	4	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.		2
136	5	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được thông tin quan trọng của bản thân: Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.		2
137	3	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.		3
138	4	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.		3
139	5	- Trẻ nói tên, tuổi,	- Nói được thông tin của		3

		giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. (địa chỉ, số điện thoại ) của người thân	các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; (địa chỉ, số điện thoại ) của người thân			
140	3	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		3	
141	4	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã ) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã )		3	
142	5	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình ( bản /thôn, xóm, tên xã), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình ( đội, bản /thôn, xóm, tên xã), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.		3	
143	3	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
144	4	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp.		1	
145	5	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non;		1	

		đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.				
146	4	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		1	
147	5	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên công việc của cô giáo và các cô bác trong trường.		1	
148	4	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
149	5	- Trẻ biết nói tên các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
<b>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</b>						
150	3	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng ngành nghề truyền thống của địa phương( nghề đan lát, nghề dệt, thêu )... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm của một số nghề, trang phục truyền thống của địa phương ( váy mông) và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương		4	
151	4	Trẻ có thể kể tên, công việc,		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các	4	



		công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện: (Nghề làm nương làm ra lúa gạo, nghề thợ mộc làm nên những ngôi nhà,...)		hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”		
152	5	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên ngôi nhà mới ...”		4	
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.</b>						
153	3	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, tết mông...qua trò chuyện, tranh ảnh.(Tết mông)	Cờ Tổ quốc, tên ngày lễ hội của địa phương (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)		1,4,6,7,8,10	
154	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)		- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước (Ngày khai giảng, tết	1,4,6,7,8,10	
155	5	- Trẻ tham gia một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Khai giảng, tết	- Tham gia một số lễ hội và nói được đặc điểm nổi bật của những dịp lễ hội “Khai giảng, tết trung thu, tết mông, tết nguyên đán, lễ hội hoa ban”. , sự kiện văn hoá của quê hương,	trung thu, Tết mông)	1,4,6,7,8,10	

		trung thu, tết mông, tết nguyên đán, lễ hội hoa ban”.	đất nước.			
156	3	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.		10	
157	4	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh,	10	
158	5	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.			10	

### 3. Phát triển ngôn ngữ

#### 1. Nghe hiểu lời nói

159	3	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.		1,4	
160	4	- Trẻ thực hiện được chỉ dẫn có 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Nghe hiểu và làm theo được chỉ dẫn có 2, 3 hành động		1,4	
161	5	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng việt		1,4	

		bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.			
162	3	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả. (TCTV: Trẻ nói được các từ và mẫu câu mới)	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.		1->10
163	4	- Trẻ hiểu một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ.	- Hiểu một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ: rau quả, con vật, đồ gỗ.... - Nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới)		1->10
164	5	- Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát đơn giản, gần gũi: cây, hoa, quần áo, đồ chơi, hoa, quả, phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..) (TCTV: Trẻ nói được các từ mẫu câu mới...).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa, chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi: cây, hoa, quần áo, đồ chơi, hoa, quả, phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..) (TCTV: Trẻ nói được các từ mẫu câu mới...).		1->10
165	3	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1->10

166	4	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như: xòe hoa, inh là ơi, , bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1->10	
167	5	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động (BC) - Trẻ nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ (BC)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp. (BC) -		1->10	
<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b>						
168	3	- Trẻ nói rõ được các tiếng. - Trẻ có thể nói các từ, mẫu câu mới.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Nói được từ và mẫu câu mới)		7->10	
169	4	- Trẻ nói rõ được để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ có thể nói các từ, mẫu câu mới.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Nói được từ và mẫu câu mới)		7->10	
170	5	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại truyện đã được nghe.		7->10	
171	3	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.		2,3	

		động, đặc điểm			
172	4	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.		2,3
173	5	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh bằng tiếng việt.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.		2,3
174	3	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?		5->10
175	4	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.		5->10
176	5	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh TCTV dạy trẻ từ mới, câu mới ....	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau TCTV dạy trẻ từ mới câu mới.....		5->10
177	3	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại sự việc.		3,6
178	4	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.		3,6
179	5	- Trẻ biết miêu tả sự việc với	- Kể lại sự việc theo trình tự.		3,6

		một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.				
180	3	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->10	
181	4	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...			1->10	
182	5	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...			1->10	
183	3	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe theo sự gợi ý của cô. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		7,8,9,10	
184	4	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe theo sự gợi ý của cô. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		5,7,9,10	
185	5	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.		7,8,9,10	
186	3	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.		8,9,10	
187	4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		- Đóng kịch theo sự hướng dẫn của cô.	8,9,10	

188	5	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện			8,9,10	
189	3	- Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.		1,2,3	
190	4	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.		1,2,3	
191	5	- Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.		1,2,3	
192	3	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1->5	
193	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.				
194	5	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.				
<b>3. Làm quen với việc đọc – viết</b>						
195	3	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Giữ gìn sách	- Xem và nghe đọc các loại sách, truyện gần gũi với trẻ. Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	6->10	
196	4	- Trẻ biết chọn sách, truyện gần gũi để xem.	- Giữ gìn bảo vệ sách		6->10	
197	5	- Trẻ biết chọn	- Đọc truyện qua các		6->10	

		sách để “đọc” tranh vẽ và xem.			
198	3	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		6->10
199	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		6->10
200	5	- Trẻ biết kể minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.		8->10
201	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”).	- Có thể phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách theo sự hướng dẫn của cô	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	1->10
202	5	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu theo sự hướng dẫn của cô.	1->10
203	4	- Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..		Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,8,9
204	5	- Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			1,8,9
205	5	- Trẻ nhận dạng	- Nhận dạng các chữ cái.		1->10



		được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Trẻ thích đọc những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh (BC)	- Tìm, kiếm chữ cái trong từ, tiếng			
206	3	- Trẻ thích vẽ, 'viết' nguệch ngoạc.	- Tô vẽ nguệch ngoạc.		1->10	
207	4	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Nhận dạng một số chữ cái.	- 4,5 tuổi Tập tô, tập đồ các nét chữ.	1->10	
208	5	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Trẻ có hành vi giữ gìn bảo vệ sách (BC)	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Giữ gìn, bảo vệ sách (BC)		1->10	
<b>4. Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b>						
<b>Thể hiện ý thức về bản thân</b>						
209	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.		2	
210	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.		2,3	
211	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được thông tin quan trọng của bản thân và gia đình: họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		2,3	
212	3	- Trẻ nói được	- Những điều bé thích,		2,4,6	

		điều bé thích, không thích. - Trẻ nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của bản thân( Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....)	không thích. - Nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của bản thân( Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....)			
213	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính (Bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh thay quần áo nơi kín đáo, chú ý các động tác khi mặc váy,.....) - Trẻ nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của bản thân( Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....)	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết ứng xử phù hợp với giới tính (Bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh thay quần áo nơi kín đáo, chú ý các động tác khi mặc váy,.....) - Nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của bản thân( Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....)		2,4,6	
214	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích (ăn uống, các hoạt động), khả năng của bản thân (có thể làm được gì, không thể làm được gì...)		2,4,6	
215	5	- Trẻ nói được	- Điểm giống và khác		2,3	

		<p>mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).</p> <p>- Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (BC)</p>	<p>nhau của mình với người khác. (sở thích, khả năng của bản thân)</p> <p>- Ứng xử phù hợp với giới tính ( bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh, thay quần, áo nơi kín đáo, chú ý động tác khi mặc váy...) (BC)</p>			
216	5	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/ chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		1,3	
217	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. - Giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: quét nhà, quét lớp, kê bàn ghế, phơi khăn.....		1,3	
<b>Thể hiện sự tự tin tự lực</b>						
218	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		1->4	
219	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1->4	
220	5	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi, kê bàn, rửa tay, rửa mặt)		1->4	
221	3	- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ,	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).		1->10	

		xếp đồ chơi,...).			
222	4	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		1->10
223	5	- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng như (hoàn thành sản phẩm tạo hình, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng)		1->10
<b>1. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>					
224	3	- Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.		1->2
225	4	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.		1->2
226	5	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.		1->2
227	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.		1->10
228	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp		1->10

		xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.			
229	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		1->10	
230	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		2,3	
231	3	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		10	
232	4	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		- Kính yêu Bác Hồ.	10	
233	5	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)			10	
234	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		10	
235	4	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		10	
236	5	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ học tập và làm theo tư	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		10	

		<i>tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</i>			
237	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, địa phương.)	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước địa phương (Đồi A1, hầm đờ cát, tượng đài,...)		1,6,7, 10
238	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử (Đài tưởng niệm, bảo tàng..) lễ hội (Lễ hội hoa ban..) và một vài nét văn hóa truyền thống: trang phục (áo cốm, khăn piêu...), món ăn (Com lam ...) của địa phương	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, Đài tưởng niệm, bảo tàng..),lp, lễ hội (Lễ hội hoa ban..) và một vài nét văn hóa truyền thống: trang phục (áo cốm, khăn piêu...), món ăn (Com lam ...) của địa phương		1,6,7, 10
<b>1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>					
239	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột		1,3
240	4	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến	1,3
241	5	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi		quan tâm đến người thân trong gia đình (Vâng lời ông	1,3

		<p>công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.</p>		<p>bà bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi) - Biết giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: Quét nhà, quét lớp, phơi khăn, kê bàn ghế,....)</p>		
242	3	<p>- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...</p>	<p>- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</p>		1,3	
243	4	<p>- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<p>- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.</p>		1,3	
244	5	<p>- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<p>- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.</p>		1,3	
245	3	<p>- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>- Chú ý nghe khi cô, bạn nói</p>		4-6	
246	4	<p>- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>- Lắng nghe ý kiến của người khác</p>		4-6	
247	5	<p>- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.</p>	<p>- Chú ý lắng nghe ý kiến của người khác,</p>		4-6	
248	4	<p>- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Tôn trọng hợp tác, chấp nhận với bạn: Xếp hàng rửa tay, khi thực hiện các công việc được giao,....</p>		1->5	
249	5	<p>- Trẻ biết chờ đến lượt.</p>	<p>- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Tôn trọng, hợp tác, chấp</p>		1->5	

			nhận với bạn: Xếp hàng rửa tay, khi thực hiện các công việc được giao....			
250	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.		7->10	
251	4	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	- Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (kê bàn, xếp ghế, xếp dọn đồ chơi, trực nhật,.....)..		7->10	
252	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn khi bạn bị ngã, giúp đỡ các em bé hơn mình.....		7->10	
253	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		7->10	
<b>Quan tâm đến môi trường</b>						
254	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.		- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,7	
255	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			5,7	
256	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			5,7	
257	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		Giữ gìn vệ sinh môi trường (Không xả rác, vứt rác bừa bãi, bẻ hái	6,7,9	
258	4	- Trẻ biết bỏ rác			6,7,9	



		đúng nơi quy định.		hoa)		
259	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.			6,7,9	
260	4	- Trẻ biết không nên bẻ cành, vứt hoa.	- Không nên bẻ cành, vứt hoa.		1,7	
261	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		1,7,9	
		- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (BC)	- <i>Quan sát nhận biết, phân biệt được hành vi đúng sai của con người đối với môi trường (BC)</i>			
262	4	- Trẻ biết không nên để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		- Tiết kiệm điện, nước (tắt quạt tắt điện khi không dùng, khi ra khỏi phòng, biết khóa vòi nước sau khi rửa tay, rửa mặt, ...)	9	
263	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			9	
264	5	- Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	- Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi		1->10	
265	5	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi		9,10	
266	5	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến		1->10	

		ảnh hưởng đến người khác biết chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi, đánh bạn.....	người khác, biết chơi đoàn kết biết nhường bạn, giúp đỡ bạn khi bạn cần, không tranh giành đồ chơi, đánh bạn.....			
<b>5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</b>						
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</b>						
267	3	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->10	
268	4	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->10	
269	5	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->10	

		vẽ đẹp			
270	3	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).		1->10
271	4	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát , vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).		1->10
272	5	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện .	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.		1->10
273	3	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		1->10

		màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	(STEAM: Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)		3 7	
274	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)		1->10 3 7	
275	5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)		1->10 3 7	
<b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</b>						
276	3	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.		1->10	
277	4	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ		- 4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->10	
278	5	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn			1->10	

		cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
279	3	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Trẻ biết sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.		1->10
280	4	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu		1->10
281	5	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài múa của vùng miền và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		1->10
282	3	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên của địa phương để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,.....) để tạo ra các sản phẩm.		1->10

283	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên của địa phương để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,.....) để tạo ra các sản phẩm.		1->10	
284	5	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu của địa phương tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu của địa phương như: Rơm, rạ, hạt ngô, hạt đỗ, lá cây....., phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích		1->10	
285	3	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->10	
286	4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		1->10	
287	5	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Có kỹ năng vẽ nét xiên, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn, nét cong nhọn, đường dích dắc . Vẽ bút chì, bút sáp, màu nước, vẽ đường nét/ vẽ bản màu		1->10	
288	3	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. <i>(STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i>		3->10	
289	4	- Trẻ biết xé,	- Sử dụng các kỹ năng cắt,		3	
					3->10	

		cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)				3	
290	5	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Cắt: Cắt đường thẳng, đường cong, đường cong, đường dích dắc... (STEAM: Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP) - Xé : xé dải, xé vụn, xé mảng, xé theo đường bao, dích dắc, đường cong tròn, đường cong nhọn - Dán: Kỹ năng lấy/phết hồ, đặt đúng vị trí... (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)				3->10 3 3	
291	3	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn như xoay tròn lăn dọc, ấn dẹt, nắm, uốn cong, miết,... để tạo ra sản phẩm đơn giản. (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)				1=>10 7	
292	4	- Trẻ biết làm lổm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn như xoay tròn lăn dọc, ấn dẹt, nắm, uốn cong, miết,... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)				1=>10 7	
293	5	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân	- Nặn: xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, làm lổm, bẻ loe, nắn, vuốt nhọn, uốn cong, véo, vuốt, miết, ấn bằng bàn tay...				1=>10	

		đôi.	(STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)			7	
294	3	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.			5,7,8	
295	4	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.			5,7,8	
296	5	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng dán xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.			5,7,8	
297	3	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)			1->10 3 7	
298	4	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: Dự án "một số loại quả" EDP)			1->10 3 7	
299	5	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. (STEAM: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP) (STEAM: "một số loại quả" EDP)			1->10 3	



					7	
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</b>						
300	3	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		1->10	
301	4	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.		1->10	
302	5	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.		1->10	
303	4	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.		1->10	
304	5	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)		1->10	
305	3	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.		5,7,8,9	
306	4	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	5,7,8,9	
307	5	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		5,7,8,9	
308	3	- Trẻ biết đặt tên cho sản		- 3-4-5T: Đặt tên cho sản	5-10	

		phẩm tạo hình.		phẩm mình.	của		
309	4	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.				5-10	
310	5	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.				5-10	

**UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**  
**TRƯỜNG MẦM NON TÀI DÌNH**

**DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024 – 2025**  
**LỚP MẪU GIÁO LỚN**  
**(35 tuần thực học)**

stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian	Lễ hội	Điều chỉnh BS
<i>Ngày 06/9/2024 đón trẻ rèn nề nếp, lễ giáo</i>						
1	Trường MN (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	1	9/9 - 13/9/2024	Ngày hội bé đến trường	
		- Bé vui trung thu	1	16/9 - 20/9/2024	Ngày hội trăng rằm	
		- Lớp học của bé	1	23/9 – 27/9/2024		
2	Bản thân (3 tuần)	Bé giới thiệu về bản thân	1	30/9- 04/10/2024		
		Cơ thể kỳ diệu của bé	1	07/10 - 11/10/2024		
		Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	1	14/10 - 18/10/2024	Ngày HLHPN 20/10	
3	Gia đình của bé (04 tuần)	Những người thân yêu của bé	2	21/10 - 01/11/2024		
		- Ngôi nhà của gia đình bé	1	04/11 – 8/11/2024		
		- Dự án đồ dùng gia đình <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i>	1	11/11 - 15/11/2024		
4	Nghành nghề (04 tuần)	Ngày hội của thầy cô	1	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11	
		- Bé tìm hiểu về nghề nông	1	25/11 - 29/11/2024		
		- Bé tìm hiểu nghề y	1	02/12 - 06/12/2024		
		- Bé tìm hiểu về nghề phổ biến	1	9/12 - 13/12/2024		
	<b>Thế</b>	- Một số con vật	1	16/12 - 20/12/2024	Ngày quân	

5	giới động vật (04 tuần)	sống trong gia đình.			đội nhân dân VN 22/12	
		- Một số con vật sống trong rừng.	1	23/12 - 27/12/2024		
		- Một số con vật sống dưới nước.	1	30/12 - 03/01/2025		
		- Bé tìm hiểu một số con côn trùng và chim	1	06/01 - 10/01/2025		Kết thúc Học kỳ I
<b>Soạn ôn học kỳ I 13/1 – 17/1/2025</b>						
6	Tết và mùa xuân (03 tuần)	Bé tìm hiểu về tết Nguyên Đán	1	20/01 - 24/01/2025	Bé vui đón tết, tổ chức hoạt động cho trẻ đón tết	Tái giảng học kỳ II
		<b>Nghỉ tết Nguyên Đán 27/01 - 31/01/2025</b>				
		Mùa xuân trên bản làng	1	03/02 – 07/02/2025		
		Lễ hội mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025		
7	Thế giới thực vật (04 tuần)	- Bé tìm hiểu về cây xanh	1	17/02 – 21/02/2025		
		- Một số loại hoa	1	24/02 – 28/02/2025		
		- Dự án một số loại quả <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP</i>	1	3/3 - 7/3/2025	Ngày quốc tê phụ nữ 8/3	
		- Một số loại rau	1	10/3 – 14/3/2025		
8	Một số PTGT (03 tuần)	- Một số PT và QĐGT đường bộ	1	17/3 – 21/3/2025		
		- Một số PTGT đường thủy	1	24/3 - 28/3/2025		
		- Một số PTGT đường hàng không		31/3 - 04/4/2025		
9	Nước và các HTTN (03	- Bé tìm hiểu nước và ích lợi của nước	1	07/4 – 11/4/2025		
		- Bé tìm hiểu một số hiện tượng tự	1	14/4 - 18/4/2025		

	<b>tuần)</b>	nhiên				
		- Bé tìm hiểu các mùa trong năm	1	21/4 - 25/4/2025		
<b>10</b>	<b>QH - ĐN - BH - Trường tiểu học (4 tuần)</b>	- Quê hương Điện Biên của bé	1	28/4 - 02/5/2025	Giải phóng MN thống nhất đất nước	
		Đất nước Việt Nam	1	05/05 - 09/5/2025	Chiến thắng ĐBP	
		- Bác Hồ kính yêu	1	12/5 - 16/5/2025		
		- Bé tìm hiểu về trường tiểu học	1	19/5 - 23/5/2025		

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PHÊ DUYỆT**



**Trần Thị Thủy**